TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN L** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản số: 23/2024/DSST
Ngày: 26-4-2024
V/v Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L,TỈNH ĐỒNG THÁP
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quan Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Phượng.

2. Bà Chung Thị Thu Nguyệt.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*: Ông Huỳnh Khánh Tâm là Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Hoàng Duy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26/4/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 150/2021/TLST-DS ngày 20/4/2021 về việc *"Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:56/2024/QĐST-DS, ngày 19/3/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43A/2024/QĐST-DS ngày 03/4/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Nguyễn Đức L, sinh năm 1955; (Có mặt tại phiên tòa)

2. Bà Trịnh Thị Ngọc C, sinh năm 1959; (Có mặt tại phiên tòa)

Cùng địa chỉ: Số A, ấp K, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Thái Quang T là Luật sư thành viên của Văn phòng L5 thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đ. (Có mặt tại phiên tòa)

- Bị đơn: Bà Nguyễn Kim L1, sinh năm 1979; Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; (Vắng mặt tại phiên tòa)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp; Địa chỉ: Khóm B, thị trấn L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện L: Bà Trương Thị D. Chức vụ: Quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L là người đại diện theo pháp luật.(Vắng mặt tại phiên tòa)

2. Bà Nguyễn Thị D1, sinh năm 1971; (Vắng mặt tại phiên tòa)

3. Ông Nguyễn Thanh T1, sinh ăm 1983; (Vắng mặt tại phiên tòa)

4. Ông Nguyễn Thanh V, sinh năm 1975; (Vắng mặt tại phiên tòa)

Cùng địa chỉ: Số A, ấp K, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

5. Bà Nguyễn Thị Bích L2, sinh năm 1967; Địa chỉ: Số G, ấp Đ, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.(Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện ngày 02/3/2021 và trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa ông Thái Quang T là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Đức L, bà Trịnh Thị Ngọc C trình bày:* Hiện vợ chồng bà C và ông L đang quản lý và sử dụng diện tích được cấp trên giấy là 1.300m^2 loại đất Lúa thuộc thửa đất số 183, tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp do ông Nguyễn Đức L đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thửa đất số 183, tờ bản đồ số 3 của ông L bà C có ranh liền kề với thửa đất số 1018, tờ bản đồ số 3 của hộ ông Nguyễn Văn S. Hiện ông S đã chết, con ông sáu gồm: Nguyễn Kim L1, Nguyễn Thị D1, Nguyễn Thanh T1, Nguyễn Thanh V và Nguyễn Thị Bích L2. Phần thửa đất số 1018, tờ bản đồ số 3 hiện do bà Nguyễn Kim L1 đang quản lý sử dụng.

Nguồn gốc thửa đất số 183, tờ bản đồ số 3 của ông L là do ông L, bà C nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Thành P và bà Trần Thị Ngọc B vào 28/7/1997 việc chuyển nhượng được ký kết tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L. Đến ngày 13/11/1997 Ủy ban nhân dân Huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Đức L, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa K960365, số vào sổ CH03250 QSDĐ/B1 diện tích 1.300 m^2.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng chuyển nhượng và xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông L, bà C có thực hiệp hợp đồng đo đạc xác định ranh đất và trích lục bản đồ địa chính ngày 04/08/1997 cán bộ địa chính xã T Trung lập bản vẽ đo đạc phần đất thuộc thửa số 183 có việc ký tên giáp ranh thửa đất của người giáp ranh xác định ranh đất đúng với trích lục bản đồ địa chính cụ thể là bà Dư Thị B1 (Vợ ông Nguyễn Văn S), ông Nguyễn Văn D2, ông Hà Ngọc N.

Từ khi nhận chuyển nhượng gia đình ông L, bà C sử dụng đất phía giáp với đất hộ gia đình bà L1 có cắm trụ đá xác định ranh và sử dụng ổn định cho đến 02/01/2021 ông L, bà C có thực hiện việc bơm cát vào phần diện tích đất thuộc thửa 183, đồng thời cắm các trụ ranh cạnh bên trụ đá cũ để làm hàng rào khu đất thuộc thửa 183.

Sau khi trồng trụ đá ông L, bà C chưa kịp làm hàng rào thì vào ngày 04/01/2021 bà Nguyễn Kim L1 (là con của ông Nguyễn Văn S) ngang nhiên qua cắm trụ đá vào trong đất của ông L, bà C bao chiếm phần diện tích đất theo như đo đạc thực tế diện tích 62,5m^2 thể hiện ở các mốc M1, M2, M3, M4, M5, M6, M7,

M8, M9, M10, M11, M12, M13, M14, M15, M16, M17, M18, M19, M20, M21, M22 về M1 thuộc một phần thửa 183 tờ bản đồ số 3 của ông L.

Nay ông Nguyễn Đức L, bà Trịnh Thị Ngọc C yêu cầu bà Nguyễn Kim L1 cùng các hàng thừa kế của ông Nguyễn Văn S gồm Nguyễn Thị D1, Nguyễn Thanh T1, Nguyễn Thanh V và Nguyễn Thị Bích L2 trả lại phần diện tích lấn chiếm theo như đo đạc thực tế là 62,5 m^2 được thể hiện trong các mốc M1, M2, M3, M4, M5, M6, M7, M8, M9, M10, M11, M12, M13, M14, M15, M16, M17, M18, M19, M20, M21, M22 về M1 thuộc một phần của thửa 183, tờ bản đồ số 3, loại đất Lúa và xác định ranh giữa thửa đất số 183, tờ bản đồ số 3 của ông Nguyễn Đức L với thửa đất số 1018, tờ bản đồ số 3 của hộ ông Nguyễn Văn S là nối các mốc từ M2, M3, M4, M5, M6, M7, M8, M9, M10, M11, M12, M13, M 14 thành các đường thẳng để làm ranh chung.

- *Ông Nguyễn Đức L, bà Trịnh Thị Ngọc C trình bày:* Thống nhất theo lời trình bày của ông Thái Quang T nói trên, không trình bày gì thêm.

- Đối với bị đơn Nguyễn Kim L1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Nguyễn Thị D1, Nguyễn Thanh T1, Nguyễn Thanh V và Nguyễn Thị Bích L2 trong suốt quá trình giải quyết vụ án các đương sự Nguyễn Kim L1, Nguyễn Thị D1, Nguyễn Thanh T1, Nguyễn Thanh V và Nguyễn Thị Bích L2 đều vắng mặt không lý do và không có văn bản ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

+ Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán chấp hành đúng quy định của pháp luật.

+ Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

+ Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức L, bà Trịnh Thị Ngọc C về việc tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất đối với bà Nguyễn Kim L1, bà Nguyễn Thị D1, Nguyễn Thanh T1, Nguyễn Thanh V và Nguyễn Thị Bích L2.

Xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa đất số 183, tờ bản đồ số 03 do ông Nguyễn Đức L đứng tên quyền sử dụng đất với thửa đất số 1018, tờ bản đồ số 03 do ông Nguyễn Văn S đứng tên quyền sử dụng đất là:

Nối mốc từ M2, M3, M4, M5, M6, M7, M8, M9, M10, M11, M12, M13, M14 thành các đường thẳng là ranh giới quyền sử dụng đất giữa các thửa đất số 183, tờ bản đồ số 03 do ông Nguyễn Đức L đứng tên quyền sử dụng đất với thửa đất số 1018, tờ bản đồ số 03 do hộ ông Nguyễn Văn S đứng tên quyền sử dụng đất

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Việc ông Nguyễn Đức L, bà Trịnh Thị Ngọc C tranh chấp về ranh giới quyền sử dụng đất với bà Nguyễn Kim L1 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đất tranh chấp tọa lạc tại xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp và bà Nguyễn Kim L1 cư trú tại ấp K, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, nên Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò thụ lý giải quyết vụ án dân sự trên là đúng quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn Nguyễn Kim L1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Nguyễn Thị D1, Nguyễn Thanh T1, Nguyễn Thanh V và Nguyễn Thị Bích L2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia xét xử mà vắng mặt tại phiên tòa không lý do, đối với Ủy ban nhân dân huyện L có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Nguyễn Kim L1, Nguyễn Thị D1, Nguyễn Thanh T1, Nguyễn Thanh V và Nguyễn Thị Bích L2.

[2] Ranh giới quyền sử dụng đất tranh chấp giữa ông Nguyễn Đức L, bà Trịnh Thị Ngọc C với bà Nguyễn Kim L1 được xác định là ranh giới theo chiều dọc, đất liền kề giữa thửa số 183, tờ bản đồ số 3 của ông Nguyễn Đức L với thửa số 1018, tờ bản đồ số 03 của hộ ông Nguyễn Văn S, toạ lạc tại xã T, huyện L, Đồng Tháp.

[3] Diện tích ranh đang tranh chấp giữa ông Nguyễn Đức L, bà Trịnh Thị Ngọc C với bà Nguyễn Kim L1 xác định theo biên bản thẩm định tại chỗ ngày 18/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò và sơ đồ đo đạc thực tế ngày 14/9/2023 là 62,5 m^2 được thể hiện trong các mốc M1, M2, M3, M4, M5, M6, M7, M8, M9, M10, M11, M12, M13, M14, M15, M16, M17, M18, M19, M20, M21, M22 về M1 26,8m^2 (M2, M3, M9, M10 về M2), trên phần đất tranh chấp này ông L, bà C có trồng 14 cây trụ bê tông, bà L1 có trồng 09 cây trụ đá dài 1,5m và 08 cây trụ đá dài 1m (Trụ đá dài 1m này trồng cặp vào các trụ đá dài 1,5m), phần còn lại là đất trống.

Đất đang tranh chấp đã được Hội đồng định giá tài sản huyện L định giá với giá đất là 120.000 đồng/m^2.

[4] Xét thấy nguồn gốc thửa đất số 183, tờ bản đồ số 3 của ông L là do ông L, bà C nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Thành P và bà Trần Thị Ngọc B vào 28/7/1997 việc chuyển nhượng được ký kết tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L. Ngày 13/11/1997 Ủy ban nhân dân Huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Đức L theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa K960365, số vào sổ CH03250 QSDĐ/B1 diện tích 1.300 m^2, việc chuyển nhượng và xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông L, bà C có thực hiện hợp đồng đo đạc xác định ranh đất và trích lục bản đồ địa chính ngày 04/08/1997 và có lập bản vẽ đo đạc thửa số 183, tứ cận giáp ranh thửa đất có xác định ranh đất đúng với trích lục bản đồ địa chính cụ thể là bà Dư Thị B1 (Vợ ông Nguyễn Văn S) có ký giáp ranh.

Trong quá trình sử dụng đất giữa bà C, ông L với ông Nguyễn Văn S cắm trụ đá xác định ranh và ranh chung sử dụng ổn định cho đến 02/01/2021 bà C, ông L có làm lại ranh và trồng các trụ bê tông cặp theo các trụ đá có trước đây, hiện các trụ đá trước đây vẫn còn.

Đến ngày 04/01/2021 bà Nguyễn Kim L1 (là con của ông Nguyễn Văn S) cấm trụ đá qua phần của ông L, bà C theo các mốc M1, M22, M21, M20, M19, M18, M17, M16, M15 bao chiếm phần diện tích đất theo như đo đạc thực tế diện tích 62,5m^2.

Xét thấy các trụ đá bà L1 trồng theo các mốc M1, M22, M21, M20, M19, M18, M17, M16, M15 là vi phạm (Lấn vào phần đất ông L) phần ranh chung giữa đất ông L3 với hộ ông Nguyễn Văn S (Cha bà L1). Cơ sở để chứng minh các mốc trên đã lấn qua phần đất của ông L là: Trên đường ranh theo các trụ bê tông hiện ông L đang trồng vẫn còn trụ đã cũ (Trụ đá do ông S và ông L xác định từ trước). Do đó, các trụ bê tông hiện ông L trồng để xác định ranh là đúng với vị trí ranh trước đây.

Do đó, nay ông Nguyễn Đức L, bà Trịnh Thị Ngọc C yêu cầu bà Nguyễn Kim L1 cùng các hàng thừa kế của ông Nguyễn Văn S gồm Nguyễn Thị D1, Nguyễn Thanh T1, Nguyễn Thanh V và Nguyễn Thị Bích L2 trả lại phần diện tích lấn chiếm theo như đo đạc thực tế là 62,5 m^2 được thể hiện trong các mốc M1, M2, M3, M4, M5, M6, M7, M8, M9, M10, M11, M12, M13, M14, M15, M16, M17, M18, M19, M20, M21, M22 về M1 thuộc một phần của thửa 183, tờ bản đồ số 3, loại đất Lúa và xác định ranh giữa thửa đất số 183, tờ bản đồ số 3 của ông Nguyễn Đức L với thửa đất số 1018, tờ bản đồ số 3 của hộ ông Nguyễn Văn S là nối các mốc từ M2, M3, M4, M5, M6, M7, M8, M9, M10, M11, M12, M13, M14 thành các đường thẳng để làm ranh chung là hoàn có căn cứ được chấp nhận.

[5] Mặt khác, vào năm 2010 ông Nguyễn Đức L, bà Trịnh Thị Ngọc C có tranh chấp ranh giữa thửa 183, tờ bản đồ số 3 của ông L với các hộ giáp ranh phía trước như ông Võ Văn B2, ông Lâm Ngọc S1 và ông Nguyễn Ngọc T2 trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành đo đạc thửa đất số 183 của ông L, tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 23/3/2010 của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò thì ông Nguyễn Văn S (Cha bà L1) có xác định ranh và ký tên vào biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, căn cứ theo Trích đo địa chính thửa đất ngày 23/10/2013 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện L và biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 23/3/2010 thể hiện đường ranh chung giữa thửa đất số 183 của ông L với thửa đất số 1018 của hộ ông Nguyễn Văn S là một đường thẳng nối từ mốc ranh chung giữa ông Trần Văn L4 với ông Nguyễn Đức L đến mốc M13 theo sơ đồ đo đạc là đường ranh chung, mốc M13 hiện nay là trụ đá cũ từ trước đến nay vẫn còn. Các trụ bê tông của ông L trồng theo các mốc M2, M3, M4, M5, M6, M7, M8, M9, M10, M11, M12, M13, M 14 là nằm trên đường ranh chung trước đây.

[6]. Từ những nhận định và phân tích nói trên có đủ cơ sở xác định phần đất tranh chấp theo như đo đạc thực tế là 62,5 m^2 được thể hiện trong các mốc M1, M2, M3, M4, M5, M6, M7, M8, M9, M10, M11, M12, M13, M14, M15, M16, M17, M18, M19, M20, M21, M22 về M1 là bà L1 lấn chiếm của ông L, bà C. Nên việc ông L, bà C yêu cầu bà Nguyễn Kim L1, Nguyễn Thị D1, Nguyễn Thanh T1, Nguyễn Thanh V và Nguyễn Thị Bích L2 trả lại diện tích tranh chấp là 62,5 m^2 được thể hiện trong các mốc M1, M2, M3, M4, M5, M6, M7, M8, M9, M10, M11, M12, M13, M14, M15, M16, M17, M18, M19, M20, M21, M22 về M1 là hoàn toàn có sở sở và được chấp nhận.

[7] Xét đề nghị của kiểm sát viên và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Từ những nhận định và phân tích trên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức L và bà Trịnh Thị Ngọc C về việc tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất đối với bà Nguyễn Kim L1, Nguyễn Thị D1, Nguyễn Thanh T1, Nguyễn Thanh V và Nguyễn Thị Bích L2 . Xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa đất số 183, tờ bản đồ số 03 do ông Nguyễn Đức L đứng tên quyền sử dụng đất với thửa đất số 1018, tờ bản đồ số 03 do ông Nguyễn Văn S đứng tên quyền sử dụng đất là:

Nối các mốc từ M2, M3, M4, M5, M6, M7, M8, M9, M10, M11, M12, M13, M14 thành các đường thẳng là ranh giới quyền sử dụng đất giữa các thửa đất số 183, tờ bản đồ số 03 do ông Nguyễn Đức L đứng tên quyền sử dụng đất với thửa đất số 1018, tờ bản đồ số 03 do hộ ông Nguyễn Văn S đứng tên quyền sử dụng đất.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức L, bà Trịnh Thị Ngọc C, nên bà Nguyễn Kim L1 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[9] Về chí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá: Bà Nguyễn Kim L1 phải chịu 6.782.630 đồng (Sáu triệu, bảy trăm tám mươi hai nghìn, sáu trăm ba chục đồng). Số tiền này ông Nguyễn Đức L đã tạm nộp và chi xong. Bà Nguyễn Kim L1 có nghĩa vụ trả lại cho ông Nguyễn Đức L 6.782.630 đồng (Sáu triệu, bảy trăm tám mươi hai nghìn, sáu trăm ba mươi đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 166, Điều 170, Điều 179, Điều 203 cuûa Luaät ñaát ñai; Điều 175 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 35 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 3, Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức L, bà Trịnh Thị Ngọc C về việc tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất đối với bà Nguyễn Kim L1, bà Nguyễn Thị D1, Nguyễn Thanh T1, Nguyễn Thanh V và Nguyễn Thị Bích L2.

2. Buộc bà Nguyễn Kim L1, bà Nguyễn Thị D1, Nguyễn Thanh T1, Nguyễn Thanh V và Nguyễn Thị Bích L2 giao trả lại cho ông Nguyễn Đức L diện tích lấn chiếm là 62,5 m^2 được thể hiện trong các mốc M1, M2, M3, M4, M5, M6, M7, M8, M9, M10, M11, M12, M13, M14, M15, M16, M17, M18, M19, M20, M21, M22 về M1.

3. Xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa đất số 183, tờ bản đồ số 03 do ông Nguyễn Đức L đứng tên quyền sử dụng đất với thửa đất số 1018, tờ bản đồ số 03 do hộ ông Nguyễn Văn S đứng tên quyền sử dụng đất là:

Nối mốc từ M2, M3, M4, M5, M6, M7, M8, M9, M10, M11, M12, M13, M14 thành các đường thẳng là ranh giới quyền sử dụng đất giữa các thửa đất số 183, tờ bản đồ số 03 do ông Nguyễn Đức L đứng tên quyền sử dụng đất với thửa đất số 1018, tờ bản đồ số 03 do hộ ông Nguyễn Văn S đứng tên quyền sử dụng đất.

(*Có biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 18/8/2023 và sơ đồ đo đạc phần đất tranh chấp số 6/SĐ.ĐĐ/CNVP.ĐKĐĐ huyện Lấp Vò ngày 04/3/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L kèm theo*).

Ranh giới quyền sử dụng đất được xác định nên người có quyền sử dụng đất được sử dụng không gian và lòng đất theo chiều thẳng đứng từ ranh giới trong khuôn viên đất, các tài sản có trên ranh giới đã được xác định phải được di dời.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Kim L1 phải nộp 375.000 đồng (Ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Đức L, bà Trịnh Thị Ngọc C được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số 0014076, ngày 20/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò.

5. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Bà Nguyễn Kim L1 phải chịu 6.782.630 đồng (Sáu triệu, bảy trăm tám mươi hai nghìn, sáu trăm ba mươi đồng). Số tiền này ông Nguyễn Đức L đã tạm nộp và chi xong. Bà Nguyễn Kim L1 có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông Nguyễn Đức L 6.782.630 đồng (Sáu triệu, bảy trăm tám mươi hai nghìn, sáu trăm ba mươi đồng).

6. Quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt nguyên đơn báo cho các nguyên đơn biết được quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Đối với Ủy ban nhân dân huyện L, Nguyễn Kim L1, bà Nguyễn Thị D1, Nguyễn Thanh T1, Nguyễn Thanh V và Nguyễn Thị Bích L2 được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án này hoặc bản án này được tống đạt theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- CCTHADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

Lê Quan Nam